

**TÒA ÁN QUÂN SỰ
KHU VỰC 2 QUÂN KHU 5**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 06/2025/HS-ST
Ngày 11/4/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC 2 QUÂN KHU 5

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 1// Đinh Minh Lượng.

Các Hội thẩm quân nhân: 1// Huỳnh Tấn Sĩ;

1// Nguyễn Cao Đức Hơn.

- Thư ký phiên tòa: 4/ Ngô Xuân Hưng, Cán bộ, Tòa án quân sự Khu vực 2 Quân khu 5.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 53 tham gia phiên tòa: 3// Lê Tuấn Phong và 2// Tôn Thất Phúc Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án quân sự Khu vực 2 Quân khu 5, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2025/TLST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 06/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2025, đối với bị cáo:

Bùi Thu P, sinh ngày 02/12/1978 tại tỉnh Thái Bình; giới tính: Nữ; nơi cư trú: thôn TB, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; số căn cước công dân: 034178xxxxxx, cấp ngày 28/12/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH, Bộ Công an; nghề nghiệp: NVYD-CNVQP, Bệnh xá QDY, e7, BĐ 16; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Thọ Đ, sinh năm 1954 (đã chết) và bà Trần Thị L, sinh năm 1957; có chồng là Nguyễn Đình T, sinh năm 1967 và có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 18/12/2024 tại e7, BĐ 16; có mặt.

Người làm chứng:

1. Nguyễn Thị Thúy L1; vắng mặt có lý do.
2. Nguyễn Thị L2; vắng mặt có lý do.
3. Phạm Thị C; vắng mặt có lý do.
4. Mai Thị Hồng Ph; vắng mặt có lý do.
5. Đinh Thị H; vắng mặt có lý do.
6. Trần Thị M; vắng mặt có lý do.
7. Nguyễn Thị Thu H1; vắng mặt có lý do.
8. Nguyễn Thị H2; vắng mặt có lý do.
9. Lê Anh T1; vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thúy L1, có địa điểm kinh doanh tại: TDP 9 (nay là TDP 1), thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, được Phòng Tài chính-Kế hoạch, Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 63E8001xxx ngày 22/12/2011; đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 11/12/2012, người đại diện là bà Nguyễn Thị Thúy L1, sinh năm 1977. Ngành nghề được phép kinh doanh gồm: Quần áo may sẵn, văn phòng phẩm, tạp hóa,... Từ năm 2012 đến năm 2021, mặc dù không kinh doanh hàng hóa, dịch vụ nhưng L1 và chị gái là Nguyễn Thị L2, cán bộ Chi cục thuế khu vực Đ-T, tỉnh Đắk Nông đã ghi khống và bán trái phép hóa đơn cho những cơ quan, đơn vị, cá nhân có nhu cầu.

Từ cuối năm 2019 đến tháng 11/2021, các chị Đinh Thị H, Trần Thị M, Nguyễn Thị H2 và Nguyễn Thị Thu H1 là kế toán của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn huyện T, tỉnh Đắk Nông đã liên hệ với Phạm Thị C là kế toán Trường mầm non HB và Trường Tiểu học-Trung học cơ sở VAD, huyện T, tỉnh Đắk Nông nhờ mua giúp hóa đơn để quyết toán kinh phí của nhà trường, C đồng ý. Sau đó, C liên hệ, nhờ Bùi Thu P là NVYD-CNVQP, Bệnh xá QDY, e7, BĐ 16 mua giúp hóa đơn, P đã đồng ý.

P đã liên hệ với L2 để mua giúp C 20 hóa đơn bán hàng đã ghi nội dung. Cụ thể, C sử dụng 04 hóa đơn làm chứng từ hợp thức quyết toán kinh phí của Trường Mầm non HB: (1) Hóa đơn số 0035934, ngày 21/12/2019, tổng số tiền 8.676.700 đồng, mặt hàng: Thuốc, vật tư y tế tiêu hao năm 2019; (2) Hóa đơn số 0035933, ngày 21/12/2019, tổng số tiền 3.494.000 đồng, mặt hàng: Nhiệt kế, bao tay, khẩu trang, máy đo thân nhiệt; (3) Hóa đơn số 0098122 (không ghi ngày, tháng, năm), tổng số tiền 3.668.000 đồng, mặt hàng: Dụng cụ y tế; (4) Hóa đơn số 0098124 (không ghi ngày, tháng, năm), tổng số tiền 7.264.472 đồng, mặt hàng: Thuốc, vật tư y tế. Sử dụng 07 hóa đơn làm chứng từ hợp thức quyết toán kinh phí của Trường Tiểu học và Trung học cơ sở VAD: (1) Hóa đơn số 0035936, ngày 22/12/2019, tổng số tiền 5.925.000 đồng, mặt hàng: Thuốc, vật tư y tế; (2) Hóa đơn số 0035937, ngày 22/12/2019, tổng số tiền 9.815.000 đồng, mặt hàng: Thuốc, vật tư y tế; (3) Hóa đơn số 0000562, ngày 22/5/2021, tổng số tiền 10.750.000 đồng, mặt hàng: Vở ôly, bút chì, bút mực nước Thiên Long, Giấy khen; (4) Hóa đơn số 0000560, ngày 22/5/2021, tổng số tiền 4.040.000 đồng, mặt hàng: Nước uống, bánh kẹo các loại; (5) Hóa đơn số 0000591, ngày 18/11/2021, tổng số tiền 6.500.000 đồng, mặt hàng: Hoa, quạt, trống, bánh kẹo các loại; (6) Hóa đơn số 0098116, (không ghi ngày, tháng, năm), tổng số tiền 3.728.000 đồng, mặt hàng: Dụng cụ y tế phục vụ cho học sinh; (7) Hóa đơn số 0098117 (không ghi ngày, tháng, năm), tổng số tiền 7.394.487 đồng, mặt hàng: Thuốc, vật tư y tế. C cung cấp 09 hóa đơn bán hàng đã ghi nội dung cho kế toán các trường học trên địa bàn huyện T, tỉnh Đắk Nông, gồm: 04 hóa đơn bán hàng cho chị Đinh Thị H (nguyên là Kế toán Trường Trung học cơ sở BP): (1) Hóa đơn số 0098126 (không ghi ngày, tháng, năm), tổng số tiền 808.963 đồng, mặt hàng: Thuốc, vật tư y tế; (2)

Hóa đơn số 0035945, ngày 30/12/2019, tổng số tiền 808.963 đồng, mặt hàng: Thuốc, vật tư y tế; (3) Hóa đơn số 0035947, ngày 30/12/2019, tổng số tiền 727.701 đồng, mặt hàng: Thuốc, vật tư y tế; (4) Hóa đơn số 0098125 (không ghi ngày, tháng, năm), tổng số tiền 727.701 đồng, mặt hàng: Thuốc, vật tư y tế. 03 hóa đơn bán hàng cho chị Trần Thị M (Kế toán Trường tiểu học LVC): (1) Hóa đơn số 0098118 (không ghi ngày, tháng, năm), tổng số tiền 1.473.000 đồng, mặt hàng: Thuốc, vật tư y tế; (2) Hóa đơn số 0035935, ngày 27/12/2019, tổng số tiền 1.640.000 đồng, mặt hàng: Thuốc, vật tư y tế; (3) Hóa đơn số 0098119 (không ghi ngày, tháng, năm), tổng số tiền 2.091.000 đồng, mặt hàng: Thuốc, vật tư y tế. 01 hóa đơn bán hàng cho chị Nguyễn Thị Thu H1 (nguyên là kế toán Trường Mầm non HĐ): Hóa đơn số 0035939, ngày 20/12/2019, tổng số tiền 2.099.000 đồng, mặt hàng: Băng dán cá nhân, băng keo Zilgo, bông y tế, ôxy già, nhiệt kế, Pandoll 500mg, gạc tiệt trùng, dầu gió. 01 hóa đơn bán hàng cho chị Nguyễn Thị H2 (Kế toán Trường Mầm non HĐ): Hóa đơn số 0098123 (không ghi ngày, tháng, năm), tổng số tiền 5.777.000 đồng, mặt hàng: Thuốc, vật tư y tế.

Tổng số tiền ghi trên 20 hóa đơn nêu trên là 87.408.987 đồng. C và P là bạn bè với nhau nên P đã bỏ tiền cá nhân ra để thanh toán tiền mua hóa đơn cho L2, sau đó C đã gửi lại cho P toàn bộ số tiền mà P đã đưa cho L2, P không được hưởng lợi gì.

Bên cạnh đó, P còn liên hệ với L2 để mua 08 hóa đơn bán hàng đã ghi nội dung với tổng số tiền là 1.962.625.500 đồng để e7, BĐ 16 quyết toán mua các mặt hàng thuốc, vật tư y tế. Cụ thể: (1) Hóa đơn số 0045028, ngày 05/11/2020, tổng số tiền 3.815.500 đồng; (2) Hóa đơn số 0077773, ngày 05/7/2011, tổng số tiền 3.600.000 đồng; (3) Hóa đơn số 0077774, ngày 08/7/2021, tổng số tiền 3.400.000 đồng; (4) Hóa đơn số 0092480, ngày 15/7/2020, tổng số tiền 180.810.000 đồng; (5) Hóa đơn số 0080064, ngày 10/12/2020, tổng số tiền 385.000.000 đồng; (6) Hóa đơn số 0080093, ngày 18/4/2021, tổng số tiền 399.932.000 đồng; (7) Hóa đơn số 0077792, ngày 19/8/2021, tổng số tiền 490.050.000 đồng; (8) Hóa đơn số 0098140, ngày 15/12/2021, tổng số tiền 496.018.000 đồng.

P đã nhận tiền từ Ban Tài chính, e7, BĐ 16 để trả tiền mua 08 hóa đơn trên cho L2, P không hưởng lợi gì.

Ngoài ra, trong các năm 2014, 2020, 2021, các cá nhân Lương Hữu H, Trần Văn C, Nguyễn Hồng N, Trình Văn T, Nguyễn Văn Ng thuộc e6, BĐ 16 có hành vi mua dưới 10 hóa đơn bán hàng đã ghi nội dung của hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thúy L1 để thanh quyết toán kinh phí; từ tháng 11/2013 đến tháng 12/2021, các cá nhân Nguyễn Văn Th, Vương Văn Đ, Bùi Duy Đ, Lê Hữu Ng, Nguyễn Thị H thuộc e7, BĐ 16 đã có hành vi mua, sử dụng và ký, ghi tên trên hóa đơn bán hàng đã ghi nội dung của hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thúy L1 để thanh quyết toán kinh phí của đơn vị; từ tháng 11/2013 đến tháng 12/2021, các ông Nguyễn Ph, Lê Văn M, Vũ Văn H đã có hành vi mua hóa đơn bán hàng đã ghi nội dung của hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thúy L1 để cung cấp cho các cá nhân đang công tác tại e7, BĐ 16 để quyết toán hàng hóa đã mua hoặc các hạng mục đã thi công cho đơn vị.

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Thu P khai: Từ năm 2019 đến năm 2021, Phạm Thị C có mua hàng hóa cho nhà trường nơi C làm việc tại cửa hàng tạp hóa của bị cáo và các cửa hàng khác trên địa bàn huyện T, tỉnh Đắk Nông, do nơi bán hàng

không xuất được hóa đơn nên C đã nhờ bị cáo mua giúp hóa đơn để làm chứng từ thanh quyết toán kinh phí, bị cáo đã nhận lời. C đưa cho bị cáo một tờ giấy trong đó ghi các thông tin gồm tên đơn vị mua hàng, loại hàng hóa và số tiền ghi trong hóa đơn. Sau đó, bị cáo đã liên hệ với Nguyễn Thị L2 là cán bộ Chi cục thuế khu vực Đ-T, tỉnh Đắk Nông để mua trái phép 20 hóa đơn bán hàng đã ghi nội dung của hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thúy L1 giúp C, đây là các hóa đơn không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo. Về nội dung của 20 hóa đơn bán hàng bị cáo đã khai nhận như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo và C là bạn bè với nhau, C thường xuyên mua hàng ở cửa hàng của bị cáo nên bị cáo đã mua hóa đơn giúp C và bỏ tiền cá nhân ra để thanh toán tiền mua hóa đơn cho L2, sau khi nhận được hóa đơn từ L2, bị cáo đã điện thoại cho C đến cửa hàng tạp hóa của bị cáo để lấy hóa đơn, C đã gửi lại tiền cho bị cáo đúng với số tiền mà bị cáo đã thanh toán cho L2, bị cáo không hưởng lợi gì qua việc mua 20 hóa đơn giúp C.

Ngoài ra, bị cáo còn liên hệ với L2 để mua trái phép 08 hóa đơn bán hàng đã ghi nội dung của hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thúy L1, đây là các hóa đơn không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo để e7, BD 16 quyết toán mua các mặt hàng thuốc, vật tư y tế. Nội dung 08 hóa đơn bán hàng mua trái phép của hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thúy L1 bị cáo đã khai nhận như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Khi Ban Tài chính, e7 yêu cầu mua hóa đơn giúp đơn vị, vì cả nể, xem đây là nhiệm vụ của mình nên bị cáo thực hiện, bị cáo đã nhận tiền từ Ban Tài chính để thanh toán tiền mua hóa đơn cho L2, bị cáo không được hưởng lợi gì liên quan đến việc mua giùm các hóa đơn này.

Lời khai của người làm chứng Phạm Thị C có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng cuối năm 2019, tôi và các chị Đinh Thị H, Trần Thị M, Nguyễn Thị H2 và Nguyễn Thị Thu H1 là kế toán của các trường học trên địa bàn huyện T, tỉnh Đắk Nông đã mua hàng hóa, vật chất cho nhà trường nơi mình công tác nhưng nơi bán không xuất được hóa đơn. Do nhu cầu cần hóa đơn để quyết toán kinh phí của nhà trường và các chị H, M, H2, H1 liên lạc nhờ mua giúp hóa đơn nên tôi đã liên hệ với chị Bùi Thu P là cán bộ công tác tại e7, BD 16 nhờ mua giúp hóa đơn, P đã đồng ý. Các chị đã cung cấp cho tôi các thông tin gồm: Tên đơn vị mua hàng, loại hàng hóa và số tiền ghi trong hóa đơn, sau đó tôi cung cấp các thông tin này cho chị P. Chị P đã mua hộ tôi 20 hóa đơn bán hàng của hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thúy L1, đây là những hóa đơn không. Trong đó có 11 hóa đơn tôi sử dụng để xuất cho trường học nơi tôi làm việc, gồm Hóa đơn số 0035934, ngày 21/12/2019; Hóa đơn số 0035933, ngày 21/12/2019; Hóa đơn số 0098122 (không ghi ngày, tháng, năm); Hóa đơn số 0098124 (không ghi ngày, tháng, năm); Hóa đơn số 0035936, ngày 22/12/2019; Hóa đơn số 0035937, ngày 22/12/2019; Hóa đơn số 0000562, ngày 22/5/2021; Hóa đơn số 0000560, ngày 22/5/2021; Hóa đơn số 0000591, ngày 18/11/2021; Hóa đơn số 0098116 (không ghi ngày, tháng, năm); Hóa đơn số 0098117 (không ghi ngày, tháng, năm). Tôi mua giúp chị H 04 hóa đơn, gồm Hóa đơn số 0098126 (không ghi ngày, tháng, năm); Hóa đơn số 0035945, ngày 30/12/2019; Hóa đơn số 0035947, ngày 30/12/2019; Hóa đơn số 0098125 (không ghi ngày, tháng, năm). Mua giúp chị M 03 hóa đơn, gồm Hóa đơn số 0098118 (không ghi ngày, tháng, năm); Hóa đơn số 0035935, ngày 27/12/2019; Hóa đơn số 0098119 (không ghi ngày, tháng, năm). Mua giúp chị H1 và chị H2

mỗi người 01 hóa đơn, gồm Hóa đơn số 0035939, ngày 20/12/2019; Hóa đơn số 0098123 (không ghi ngày, tháng, năm). Tôi đã bỏ tiền cá nhân ra để trả tiền mua 20 hóa đơn cho chị P, đối với những hóa đơn tôi mua giúp thì sau khi giao hóa đơn tôi thu lại từ các chị H, M, H1, H2 số tiền mà tôi đã đưa cho chị P. Tôi không hưởng lợi gì từ việc nhờ mua 20 hóa đơn trên.

Lời khai của những người làm chứng Đinh Thị H, Trần Thị M, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị Thu H1 có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng cuối năm 2019, H, M, H2, H1 đã liên hệ với Phạm Thị C nhờ mua giúp hóa đơn để làm chứng từ thanh toán các khoản đã chi về thuốc, vật tư y tế. C đã mua giúp H 04 hóa đơn, gồm các hóa đơn số 0098126 (không ghi ngày, tháng, năm); số 0035945, ngày 30/12/2019; số 0035947, ngày 30/12/2019; số 0098125 (không ghi ngày, tháng, năm). C mua giúp M 03 hóa đơn, gồm các hóa đơn số 0098118 (không ghi ngày, tháng, năm); số 0035935, ngày 27/12/2019; số 0098119 (không ghi ngày, tháng, năm). C mua giúp H1 và H2 mỗi người 01 hóa đơn, gồm hóa đơn số 0035939, ngày 20/12/2019; Hóa đơn số 0098123 (không ghi ngày, tháng, năm). Đây là các hóa đơn không.

Lời khai của người làm chứng Lê Anh T1 có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Năm 2020, chị P có sử dụng 03 hóa đơn của hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thúy L1 để thanh, quyết toán kinh phí được phân bổ tại Bệnh xá QDY, e7, BĐ 16, gồm hóa đơn số 0045028, tổng số tiền 3.815.500 đồng; Hóa đơn số 0077773, tổng số tiền 3.600.000 đồng; Hóa đơn số 0077774, tổng số tiền 3.400.000 đồng. Năm 2021, chị P có nhận tại Ban Tài chính, e7, BĐ 16 để thanh toán tiền mua hóa đơn của hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thúy L1 như sau: Ngày 14/01/2021, nhận số tiền 57.000.000 đồng để mua các hóa đơn số 0092480, số 0080064; ngày 09/7/2021, nhận số tiền 41.609.000 đồng để mua hóa đơn số 0080093; ngày 17/9/2021, nhận số tiền 49.100.000 đồng để mua hóa đơn số 0077792; ngày 21/12/2021, nhận số tiền 49.600.000 đồng để mua hóa đơn số 0098140.

Lời khai của người làm chứng Nguyễn Thị Thúy L1 có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 22/12/2011, tôi đăng ký thành lập hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thúy L1, địa điểm kinh doanh tại TDP 9 (nay TDP 1), thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, ngành nghề kinh doanh gồm: Quần áo may sẵn, giày, dép, văn phòng phẩm,... Thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ nhất vào ngày 11/12/2012 bổ sung thêm một số ngành nghề khác. Từ năm 2016 đến năm 2022, hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thúy L1 không có hoạt động kinh doanh nên không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo mà chỉ xuất hóa đơn không. Ngoài việc trực tiếp bán hóa đơn không, tôi còn nhờ chị gái ruột tên Nguyễn Thị L2 là cán bộ Chi cục thuế khu vực Đ-T, tỉnh Đắk Nông quản lý hoạt động bán hóa đơn không, lợi nhuận từ việc bán hóa đơn đều do tôi hưởng lợi, chị L2 không hưởng lợi gì, chị L2 giúp tôi việc ghi nội dung trong các hóa đơn, ký, kê khai thuế. Từ năm 2019 đến năm 2021, chị Bùi Thu P đã liên hệ với chị L2 để mua 28 hóa đơn không, không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo, trong đó có 20 hóa đơn xuất bán cho các trường học trên địa bàn huyện T, tỉnh Đắk Nông và 08 hóa đơn xuất bán cho e7, BĐ 16.

Lời khai của người làm chứng Nguyễn Thị L2 có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Từ năm 2018, em gái tôi là Nguyễn Thị Thúy L1 nhờ tôi ghi hóa đơn không của hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thúy L1 để bán cho những cá nhân, tổ chức có nhu cầu

và làm báo cáo thuế theo định kỳ, tôi đã nhận lời giúp L1. Từ năm 2019 đến năm 2021, Bùi Thu P đã liên hệ và cung cấp các thông tin về tên đơn vị mua hàng, hàng hóa và số tiền cho tôi để mua hóa đơn. Tôi đã sử dụng quyền hóa đơn bán hàng của hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thúy L1 để ghi thông tin trên các hóa đơn do P cung cấp và ký tên dưới mục “Người bán hàng”, tổng cộng tôi đã bán 28 hóa đơn không cho P, trong đó có 20 hóa đơn xuất bán cho các trường học trên địa bàn huyện T, tỉnh Đắk Nông, gồm các hóa đơn số 0035934, tổng số tiền 8.676.700 đồng; số 0035933, tổng số tiền 3.494.000 đồng; số 0098122, tổng số tiền 3.668.000 đồng; số 0098124, tổng số tiền 7.264.472 đồng; số 0035936, tổng số tiền 5.925.000 đồng; số 0035937, tổng số tiền 9.815.000 đồng; số 0000562, tổng số tiền 10.750.000 đồng; số 0000560, tổng số tiền 4.040.000 đồng; số 0000591, tổng số tiền 6.500.000 đồng; số 0098116, tổng số tiền 3.728.000 đồng; số 0098117, tổng số tiền 7.394.487 đồng; số 0098126, tổng số tiền 808.963 đồng; số 0035945, tổng số tiền 808.963 đồng; số 0035947, tổng số tiền 727.701 đồng; số 0098125, tổng số tiền 727.701 đồng; số 0098118, tổng số tiền 1.473.000 đồng; số 0035935, tổng số tiền 1.640.000 đồng; số 0098119, tổng số tiền 2.091.000 đồng; số 0035939, tổng số tiền 2.099.000 đồng; số 0098123, tổng số tiền 5.777.000 đồng và 08 hóa đơn xuất bán cho e7, BĐ 16, gồm các hóa đơn số 0045028, tổng số tiền 3.815.500 đồng; số 0077773, tổng số tiền 3.600.000 đồng; số 0077774, tổng số tiền 3.400.000 đồng; số 0092480, tổng số tiền 180.810.000 đồng; số 0080064, tổng số tiền 385.000.000 đồng; số 0080093, tổng số tiền 399.932.000 đồng; số 0077792, tổng số tiền 490.050.000 đồng; số 0098140, tổng số tiền 496.018.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính từ việc bán 28 hóa đơn cho P, các cơ quan tiến hành tố tụng huyện Đ, tỉnh Đắk Nông đã thu giữ trong vụ án khác.

Tại bản Kết luận giám định số 314/KL-KTHS ngày 15/11/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đắk Nông kết luận: 20 hóa đơn bán hàng không của hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thúy L1, để thanh quyết toán các nguồn kinh phí của các Trường mầm non HB (các hóa đơn số 0035934, số 0035933, số 0098122, số 0098124), Trường Tiểu học VAD (các hóa đơn số 0035937, số 0035936, số 0000562, số 0000560, số 0000591, số 0098116, số 0098117), Trường Tiểu học LVC (hóa đơn số 0098119), Trường mầm non HH (các hóa đơn số 0035935, số 0098118), Trường mầm non HL (các hóa đơn số 0035945, số 0098126), Trường mầm non HĐ (các hóa đơn số 0098123, số 0035939), Trường Trung học cơ sở BP (các hóa đơn số 0035947, số 0098125) có phôi là do Cục Thuế tỉnh Đắk Nông phát hành.

Tại các bản Kết luận giám định do Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đắk Nông kết luận, Số 100/KL-KTHS ngày 29/3/2023: 21 hóa đơn bán hàng liên 2 (trong đó có các hóa đơn số 0045028; số 0077773; số 0077774; số 0080064; số 0080093; số 0092480) là do cơ quan Nhà nước phát hành; chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị H dưới mục “Người mua hàng” trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị H trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra. Số 105/KL-KTHS ngày 04/4/2023: 205 hóa đơn bán hàng (trong đó có hóa đơn số 0089140) cần giám định có phôi là do cơ quan Nhà nước (Cục thuế tỉnh Đắk Nông) phát hành. Số 125/KL-KTHS ngày 17/4/2023: 90 hóa đơn bán hàng liên 2 (trong đó có hóa đơn số 0077792) có phôi là do cơ quan Nhà nước

(Cục thuế tỉnh Đắk Nông) phát hành.

Tại Cáo trạng số 50/CT-VKS-P1 ngày 23/01/2025 của Viện kiểm sát quân sự Trung ương đã truy tố Bùi Thu P về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tranh luận tại phiên tòa: Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng khoản 1 Điều 203; các điểm i, s, v khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 35 BLHS. Tuyên phạt bị cáo Bùi Thu P từ 80.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS); Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Bùi Thu P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong lời tự bào chữa, bị cáo nhất trí với Bản luận tội, không có ý kiến gì.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo có cơ hội để tiếp tục cống hiến cho Quân đội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan và người tiến hành tố tụng. Do đó, HĐXX thấy các hành vi, quyết định của cơ quan và người tiến hành tố tụng trong vụ án là hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Thu P đã khai nhận hành vi của mình như nội dung bản Cáo trạng truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng, các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án được kiểm tra công khai tại phiên tòa. HĐXX đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến năm 2021, bị cáo Bùi Thu P đã có hành vi liên hệ với Nguyễn Thị L2 là cán bộ Chi cục thuế khu vực Đ-T, tỉnh Đắk Nông để mua trái phép 28 hóa đơn bán hàng đã ghi nội dung của hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thúy L1 mà không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo, gồm 20 hóa đơn mua hộ Phạm Thị C và 08 hóa đơn để e7, BD 16 sử dụng làm chứng từ thanh quyết toán kinh phí. Do có mối quan hệ bạn bè, quen biết và sự nể nang nên bị cáo đã nhận lời nhờ và mua hộ trái phép 28 hóa đơn bán hàng đã ghi nội dung giúp Phạm Thị C và e7, BD 16, bị cáo không hưởng lợi gì từ việc mua trái phép các hóa đơn này. Vì vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại khoản 1 Điều 203 BLHS. Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra là ít nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý nhà nước về tài chính,

kinh tế, ảnh hưởng xấu đến sản xuất, kinh doanh.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS), nhân thân, hình phạt: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trong quá trình công tác bị cáo được tặng thưởng Huy chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhì, Ba. Đây là các tình tiết giảm nhẹ TNHS được áp dụng cho bị cáo quy định tại các điểm i, s, v khoản 1 Điều 51 BLHS. Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính hay xử lý kỷ luật; có nơi cư trú rõ ràng và công việc ổn định.

Xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, lỗi, hậu quả của vụ án, các tình tiết giảm nhẹ TNHS và nhân thân của bị cáo. HĐXX nhận thấy bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS, có nơi cư trú rõ ràng và ổn định. Việc bị cáo nhận lời mua hộ trái phép 28 hóa đơn bán hàng đã ghi nội dung giúp Phạm Thị C và e7, BĐ 16 là xuất phát từ mối quan hệ quen biết từ trước, sự nể nang tại nơi làm việc; bị cáo không được hưởng lợi gì từ việc mua trái phép các hóa đơn này. e7, BĐ 16 có công văn số 155/CV-TĐ ngày 10/3/2025 ghi nhận thành tích cống hiến và xin giảm nhẹ hình phạt để tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội tiếp tục phấn đấu, đóng góp, phục vụ lâu dài trong Quân đội. Vì vậy, chỉ cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung đồng thời thể hiện tính nhân văn, nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[5] Một số nội dung và cá nhân khác có liên quan đến vụ án:

Đối với hành vi của các cơ quan, đơn vị và cá nhân thuộc Binh đoàn 16: Sử dụng tiền ngân sách để mua hóa đơn, quyết toán sai quy định có dấu hiệu “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản của Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” đã được tách ra tại Quyết định tách hành vi và tài liệu có liên quan trong vụ án hình sự số 01/QĐ-THV(P1) ngày 06/01/2025 của Cơ quan Điều tra hình sự Bộ Quốc phòng để giải quyết trong vụ việc khác.

Nguyễn Thị Thúy L1 và Nguyễn Thị L2 có hành vi xuất bán 41 quyền hóa đơn bán hàng với tổng số 1898 hóa đơn bán hàng, trong đó có các hóa đơn bán cho Bùi Thu P và các cá nhân của e6, e7, BĐ 16; Phạm Thị C có hành vi nhờ Bùi Thu P là CNVQP, NVYT, e7, BĐ 16 mua hộ 20 hóa đơn bán hàng của hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thúy L1 đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk R’Lấp khởi tố, điều tra về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại Điều 203 BLHS. Do vậy, không xem xét xử lý hình sự đối với hành vi mua bán trái phép hóa đơn của các đối tượng L1, L2 và C trong vụ án này.

Số tiền hưởng lợi bất chính của Nguyễn Thị Thúy L1, Nguyễn Thị L2 từ việc bán trái phép hóa đơn đã được thu giữ trong vụ án khác.

Đối với các ông Nguyễn Ph, Lê Văn M, Vũ Văn H đã chết nên không xem xét trách nhiệm hình sự; ông Lê Hữu N đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 27 BLHS.

Đối với Nguyễn Văn Th, Vương Văn Đ, Bùi Duy Đ, Nguyễn Thị H thuộc e7; Nguyễn Văn Ng thuộc e6, BĐ 16 và những cá nhân khác có liên quan Cơ quan Điều tra hình sự Bộ Quốc phòng tiếp tục điều tra, làm rõ để xử lý theo quy định.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136

BLTTHS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 BLTTHS,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Bùi Thu P phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; các điểm i, s, v khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 35 BLHS. Xử phạt bị cáo Bùi Thu P 90.000.000 (Chín mươi triệu) đồng.

2. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS, bị cáo Bùi Thu P phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/4/2025), bị cáo có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân khu 5./.

Nơi nhận:

- VKSQSTW;
- CQĐTHSBQP;
- VKSQSQK5;
- VKSQSKV53;
- Phòng THAQK5;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA, THA. L10.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

1// Đinh Minh Lượng